

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt, không đạt.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | | |
| 1.1 Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại phục vụ thi công, kho bãi tập kết chất thải, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công... và công tác chuẩn bị thi công công trình. | Có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng công trường, mặt bằng lán trại, công tác chuẩn bị thi công công trình. Giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Không có bản vẽ. Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, công tác chuẩn bị thi công công trình không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 1.2 Đối với các vật tư, vật liệu chính: sắt thép các loại, cát xây dựng các loại, đá xây dựng các loại, CPĐD, bê tông thương phẩm (nếu dùng), bê tông nhựa, vật tư-thiết bị điện chiếu sáng, cáp điện, cột đèn chiếu sáng, đèn Led chiếu sáng, Cống BTCT (nếu không tự sản xuất), bó vỉa (nếu không tự sản xuất), cây xanh,... và các vật tư khác. | Có bảng kê khai đầy đủ, chi tiết chủng loại, nguồn gốc xuất xứ các loại vật tư, vật liệu; Có cam kết cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. Tất cả vật tư, vật liệu đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ thiết kế và Mục III Chương V. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.3 Đối với các vật tư, vật liệu phải chứng nhận hợp quy: + Xi măng; + Gạch xây (gạch bê tông, gạch không nung); | Có bảng kê khai đầy đủ, chi tiết chủng loại, nguồn gốc xuất xứ các loại vật tư, vật liệu. Có cam kết cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. Có giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy công bố hợp quy hoặc thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Xây dựng hoặc đơn vị chứng nhận kiểm định hợp pháp. | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | Tất cả vật tư, vật liệu đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ thiết kế và điểm 3 Mục III Chương V. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 1.4 Giải pháp khảo sát, trắc đạc, chuẩn bị để thi công công trình. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có thuyết minh kèm theo bản vẽ | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ kèm theo. | Không đạt |
| 1.5 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công cho các công việc thuộc hạng mục: + <i>San nền</i> + <i>Nền-mặt đường</i> + <i>Cây xanh</i> + <i>Rãnh, cống thoát nước</i> + <i>Cấp nước</i> + <i>Chiếu sáng, hạ thế</i> | - Trình bày đầy đủ các nội dung bên, các công việc đầy đủ theo HSTK được duyệt có thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công. - Giải pháp kỹ thuật và bản vẽ biện pháp thi công hợp lý, khả thi theo yêu cầu, phù hợp với điều kiện của nhà thầu, phù hợp với tiến độ thi công, nhân lực bố trí và HSTK được duyệt. | Đạt |
| | - Trình bày thiếu nội dung, thiếu bản vẽ BPTC hoặc trình bày không đáp ứng, lan man không am hiểu các nội dung theo yêu cầu, không phù hợp với thuyết minh BPTC và HSTK được duyệt. - Giải pháp kỹ thuật và bản vẽ biện pháp thi công không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công, nhân lực bố trí, không phù hợp với HSTK được duyệt. | Không đạt |
| 1.6 Giải pháp phối hợp với các nhà thầu khác trong cùng dự án và các bộ phận/đơn vị liên quan | Đề xuất giải pháp phối hợp với các nhà thầu khác trong cùng dự án, đảm bảo thi công được xuyên suốt, tránh thi công chồng chéo làm ảnh hưởng tới tiến độ dự án, có thuyết minh phù hợp và khả thi. | Đạt |
| | Không đáp ứng nội dung trên | Không đạt |

| 2. Tiến độ thi công | | |
|--|--|-----------|
| 2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 150 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. Có biểu tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động thiết bị. | - Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 150 ngày. - Có biểu tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động thiết bị khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, biện pháp thi công/biện pháp thi công. | Đạt |
| | - Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 150 ngày. - Thiếu một trong các biểu đồ tiến độ/nhân lực/thiết bị hoặc một trong các biểu đồ không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật/biện pháp thi công. | Không đạt |
| 2.2. Tính phù hợp: a) Giữa bố trí thiết bị thi công các hạng mục, tiến độ thi công và biện pháp thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công, biện pháp thi công và biểu đồ nhân lực | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 2.3. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có yếu tố khách quan (mưa bão, mất điện,...) | Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan: Hợp lý, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan hoặc không hợp lý, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không đạt |
| 3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường | | |
| 3.1 Có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ tổ chức của nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật (các hạng mục), chất lượng, khối lượng, hồ sơ, vật tư, thiết bị an toàn, an ninh, môi trường, tổ-đội thi công. | Có sơ đồ và thuyết minh chi tiết, phù hợp với nhân sự bố trí, tiến độ và biện pháp để thực hiện gói thầu, đáp ứng quy định tại yêu cầu tại Mục III Chương V E-HSMT | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.2 Tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy công trình. | - Bố trí bộ máy tổ chức Ban chỉ huy công trình phù hợp với nhân sự chủ chốt bố trí | Đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| | (Bảng số 02 khoản 2.2 Mục 2 Chương III) và Mục III Chương V E-HSMT; | |
| | - Bố trí bộ máy tổ chức Ban chỉ huy công trình không phù hợp với nhân sự chủ chốt bố trí (Bảng số 02 khoản 2.2 Mục 2 Chương III) Mục III Chương V E-HSMT. | Không đạt |
| 4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động | | |
| 4.1 Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công gồm: - Sơ đồ và thuyết minh quy trình lập biện pháp thi công, tổ chức giám sát, thi công, kiểm tra, nghiệm thu kiểm soát chất lượng thi công, Quản lý chất lượng máy móc, thiết bị thi công. Quy trình quản lý hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công - Biện pháp quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công. - Trách nhiệm của nhà thầu trong thi công xây dựng công trình theo quy định. - Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán. | Đề xuất đủ và hợp lý đối với các nội dung bên, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu bên hoặc đề xuất biện pháp không hợp lý | Không đạt |
| 4.2 Trình bày biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công gồm: - Biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. - Biện pháp bảo quản vật liệu, vật tư, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão - Biện pháp sửa chữa, thay thế thiết bị, vật tư trong quá trình thi công | Trình bày đầy đủ các nội dung bên. Có thuyết minh hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng nội dung trên. | Không đạt |
| 4.3 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi | - Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| <p>trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường. - Có nội dung đề xuất về biện pháp đổ thải đúng nơi quy định trong quá trình thi công - Các nội dung khác theo quy định tại Mục III Chương V E-HSMT. | <p>trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương án vận chuyển phế thải và đổ thải theo đúng quy định - Có bản vẽ biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường. | |
| <p>4.4 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy:</p> <p>Có thuyết minh hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | <p>Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | Đạt |
| <p>4.5 Biện pháp an toàn lao động gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; - An toàn cho cư dân xung quanh công trường; - Các nội dung khác theo quy định tại Mục III Chương V E-HSMT. | <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Có bản vẽ biện pháp đảm bảo an toàn lao động | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; không trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. - Không có bản vẽ biện pháp đảm bảo an toàn lao động. | Không đạt |
| 5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành, Nhà thầu có | Đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| <p>cam kết hoặc thuyết minh: tối thiểu 12 tháng.</p> <p>+ Đối với phần thiết bị: tối thiểu 1 năm và không thấp hơn thời hạn bảo hành của nhà sản xuất (đối với các thiết bị)</p> <p>- Có thuyết minh quy trình bảo trì công trình theo quy định.</p> | Không đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không đạt |
| 6. Uy tín của nhà thầu | | |
| <p>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC trong tự của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. Nhà thầu có cam kết kèm theo. (Đối với nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh phải có cam kết đáp ứng yêu cầu).</p> | Đáp ứng yêu cầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |